

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	18+3	0+0		16+6	0+0	
2		CNV+P9+PPD	7:25	7+2+13	0+0+0		7+2+13	0+0+0	
3		P4+RP3	7:25	10+10	0+0		5+17	0+0	
4		TJUNG	8:00	19	0		16	0	
5		BK20-CTK3	9:25	4+18	0		0+22	0	
6		TD1+MRM	9:25	11+11	0+0		9+13	0+0	
7		CTK3	9:25	22	0		22	0	
8		MRM+BK9+BK16	11:25	12+5+2	0+0+0		2+18+2	0+0+0	
9		HSD+AMD+P1	11:25	3+12+0	0+0+0		5+11+6	0+0+0	
10		TGTH1+TGTH4+AMD	11:45	6+2+4	0+0+0		7+2+10	0+0+0	
11		PPD+P5+P8	11:45	15+1+0	0+0+0		9+4+9	0+0+0	

TTPDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	TO: TD2 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-1			

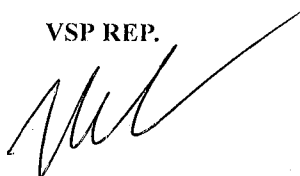
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
2	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	59	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC DUNG	TD2	69	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	55-56	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VINH TRÁ	TD2	71	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	63	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	CAO VĂN LỢI	TD2	61	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY DUNG	TD2	60	1	5	32	82	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ THẾ CÔNG	TD2	75	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD2	58	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	57	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	70	1	5	80	75	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TUÔNG	TD2	54	1	5		78	DVL	Vietnamese
15	PHAN VĂN LÊ	TD2	65	1	5	35	64	T-TIN	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN THÂM	TD2	72	1	10		62	T-TIN	Vietnamese
17	ĐÌNH EM	TD2	64	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN XUÂN	TD2	81-82	2	10		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC DOAN	TD2	62	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	DƯƠNG ĐIẾP PHI	RP3					80	KHOAN	Vietnamese
21	CAO ĐÌNH THANH	RP3	08	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN LÊ KIẾN	RP3	05-07	3	17		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

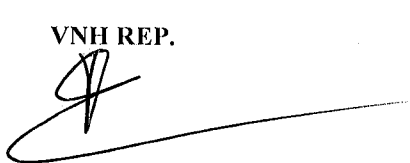
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	20	123	1.364	147	16		
2	RP3	3	4	22	223	0	6		
TOTAL		22	24	145	1.587	147	22		
WEIGHT KG				145	1.587	147			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CNV - P9 - PPD	CREW: Dương - N.ANH - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỨC BÌNH	CNV	20-21	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	14	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN THAI	CNV	19.90	2	11	64	70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CANH HÙNG	CNV	15	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HẠO	CNV	16	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	17	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THẠO	CNV	18	1	5		76	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG THỦY	P9					67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HẬU	P9	77	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	73	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	74	1	8		75	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN NHA	PPD	68-69	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	22	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI NĂNG PHONG	PPD	15-16	2	8	35	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	71-72	2	9		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN ĐẠO	PPD	19	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	17-18	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HUY	PPD	14	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH TRÍ	PPD	70	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	20-21	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CONG DUNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	148	53	514	64	7		
2	P9	2	1	2	139	0	2		
3	PPD	13	16	90	911	35	13		
TOTAL		22	25	145	1.564	99	22		
WEIGHT KG				145	1.564	99			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	TO: P4 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - D Sơn	ETA: 09:30
VANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THẾ NGUYỄN	P4	34-35	2	12	20	70	XAYLAP	Vietnamese
2	MAI VĂN LINH	P4	232-233	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN QUÝ HIỆU	P4	231	1	20		80	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ HỒNG VĂN	P4	29-30	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO CHÍ THANH	P4	62	1	10		87	CODIEN	Vietnamese
6	HOÀNG MINH THƯỜNG	P4	31	1	14		64	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM THANH HẢI	P4	38	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THIẾU	P4	36	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
9	HOÀNG MINH TUẤN	P4	33	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG VŨ	P4	37	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
11	ĐINH QUANG THAI	P4	32	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NHÂM ĐỨC QUANG	RP3	88	1	2	75	71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP3	86	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG NHẬT QUANG	RP3	85	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
15	TẠ PHI KHÁNH	RP3					70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	RP3	89	1	8		75	KHI	Vietnamese
17	HUYNH TRUNG NGHĨA	RP3	87	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN TUYẾN	RP3					62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	83	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HOÀ	RP3	34,84	2	7		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	14	138	812	20	5		
2	RP3	9	8	39	611	75	17		
TOTAL		20	22	177	1.423	95	22		
WEIGHT KG				177	1.423	95			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 08:00
FLIGHT: 04	TO: T.UNG	CREW: Hoài - TTrung	ETA: 11:10
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN TUÂN	T.UNG	83-84	2	9	13	70	PVGAS	Vietnamese
2	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	91	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	93-94	2	6	40	68	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG VIỆT LINH	T.UNG	79-80	2	10	48	76	QUATEST	Vietnamese
5	HỒ MINH XUÂN	T.UNG	78	1	5		68	PSV	Vietnamese
6	HUYNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	95	1	12	10	82	PVEP ITC	Vietnamese
7	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	500.86	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN LUƠNG	T.UNG	98	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA HÙNG	T.UNG	82	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	89	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY TUÂN	T.UNG	88	1	7		82	PVEP ITC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	99	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BÁC	T.UNG	96	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	92	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	90	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUÂN	T.UNG	85-87	3	19		73	PVGAS	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	81	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	QUÁCH VĂN THẢO	T.UNG	97	1	5		71	YTE	Vietnamese
19	FEDORCHENKO VIKTOR	T.UNG	76-77	2	15		77	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	26	147	1.366	111	16		
TOTAL		19	26	147	1.366	111	16		
WEIGHT KG				147	1.366	111			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: BK20 - CTK3	CREW: CHIẾN - NPhú - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HIẾN	BK20	91	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	TÔNG VĂN ĐỨC	BK20	86-88	3	19	15	65	XAYLAP	Vietnamese
3	HÀ XUÂN THANH	BK20	92-93	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUÂN	BK20	89-90	2	12		81	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HẢI	CTK3	07	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG HÀ	CTK3	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ MINH GIANG	CTK3	01	1	5	100	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	15	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI KHÁC PHONG	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN DÂN	CTK3	16-17	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	03-04	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	CU XUÂN HUY	CTK3	10	1	5		65	HVJOC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	12	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	02	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG THAI	CTK3	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TUYẾN	CTK3					65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH QUANG	CTK3	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	4	8	63	296	15	0		1 NB THAY CA CTK3 NGUYEN HUU TUNG
2	CTK3	18	19	102	1.271	100	22		
TOTAL		22	27	165	1.567	115	22		
WEIGHT KG				165	1.567	115			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	TO: MRM - TD1 - BK8	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - THỤ	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN GIANG	MRM	11	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN ANH	MRM	12	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	VU QUANG	MRM	09	1	10		79	D-HANH	Vietnamese
4	BUI ANH TU	MRM	10	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HIEN	MRM	02	1	7		71	PSV	Vietnamese
6	TONG VAN DAT	MRM	01	1	8		64	PSV	Vietnamese
7	PHAM VAN KY	MRM	07-08	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUONG	MRM	06	1	14		86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HAI	MRM	04	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUAN	MRM	05	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC DINH	MRM	03	1	13		93	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DANH CHIEN	TD1	76-77	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
13	THINH VIET HUNG	TD1	78-79	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN KHOA	TD1	72-73	2	18	85	68	XAYLAP	Vietnamese
15	DOAN NGOC THANH	TD1	74-75	2	16		79	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TRI CHUNG	TD1	66	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGOC TUNG	TD1	71	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DUC CUONG	TD1	65	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH DUC	TD1	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DINH HUY	TD1	67	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN BINH	TD1	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG PHUC ANH	TD1	69	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

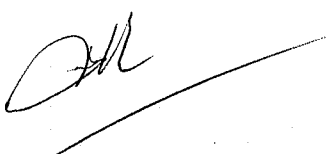
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	12	130	832	0	9		
2	TD1	11	15	102	751	85	9		
3	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	27	232	1.583	85	22		
WEIGHT KG				232	1.583	85			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

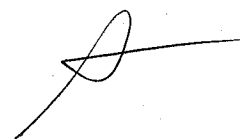
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:20
FLIGHT: 07	TO: CTK3	CREW: ĐỨC - TĐông - D Sơn	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH TUÂN	CTK3	24	1	9	20	59	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI SY LONG	CTK3	22-23	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGUYEN NHAT LINH	CTK3	26	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CONG KHANG	CTK3	21	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG THIỆU THANH	CTK3	16	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
6	LE CHI CONG	CTK3	27	1	5	13	93	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUYET THANH	CTK3	20	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ĐOAN	CTK3	17	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
9	LUYEN VAN THIỆU	CTK3	18	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DAN QUÊ	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ NGỌC CHINH	CTK3	25	1	4		91	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ANH TUÂN	CTK3	19	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG HUU VINH QUY	CTK3	13	1	12	23	77	CODIEN	Vietnamese
14	PHAM VAN DUNG	CTK3	09	1	11		53	CODIEN	Vietnamese
15	ĐỖ THANH TUNG	CTK3	10-11	2	8		68	CODIEN	Vietnamese
16	PHAN MANH HUNG	CTK3	14-15	2	11		68	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN MẠNH	CTK3	12	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG CHINH	CTK3	05	1	15	31	85	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUÂN	CTK3	01-02	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH SƠN	CTK3	03	1	8	31	61	XAYLAP	Vietnamese
21	VÔ VĂN TUNG	CTK3	06-07	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
22	LE NGOC KY	CTK3	08	1	15		54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	26	201	1.567	118	22		
TOTAL		22	26	201	1.567	118	22		
WEIGHT KG				201	1.567	118			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: MRM - BK9 - BK16	CREW: HUNG - Son - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

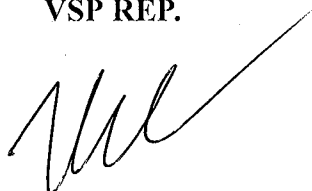
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIỀN DŨNG	MRM	26-27	2	20	32	85	KH-THAC	Vietnamese
2	MAI VĂN DUƠNG	MRM	15	1	15		81	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TUYẾN	MRM	28-29	2	17		64	DVL	Vietnamese
4	TÔNG TIỀN QUANG	MRM	25	1	12		79	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN SỸ TUẤN	MRM	17-18	2	20		74	DVL	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HUƠNG	MRM	21-22	2	16		90	DVL	Vietnamese
7	ĐẠO VĂN YẾN	MRM	16	1	11		62	DVL	Vietnamese
8	VŨ MẠNH NAM	MRM	31	1	10	16	75	DVL	Vietnamese
9	LÊ THANH TRUNG	MRM	23-24	2	17		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN BÌNH	MRM	30	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	DROZDOV A.	MRM	13-14	2	12		85	AMNG	Russian
12	DIDENKO P	MRM	19-20	2	20		87	AMNG	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	BK9	13	1	7	40	64	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	14	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	15-16	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN SƠN TÙNG	BK9	17-18	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HUY	BK9	19-20	2	20	10	67	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	BK16	18	1	6		89	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÚ	BK16	19	1	19		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	19	175	922	48	6		
2	BK9	5	8	51	337	50	14		
3	BK16	2	2	25	150	0	2		
TOTAL		19	29	251	1.409	98	22		
WEIGHT KG				251	1.409	98			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	TO: HSD - AMD - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Thành	ETA: 14:05
VANG-3			

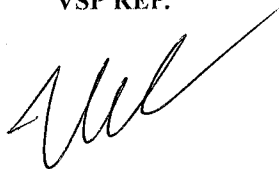
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HY TAC SANG	HSD	16,79	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
2	ĐO THẺ THANH	HSD	14	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU ĐỨC CHI	HSD	15,05	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NAM TRUNG	AMD	36	1	5		75	HLJOC	Vietnamese
5	NGÔ SỸ KHOI	AMD	39	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG CHI PHONG	AMD	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN LAM	AMD	31,99	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG DUNG	AMD	42-43	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOAN VAN DUNG	AMD	40-41	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH KHOA	AMD	38	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRI TRUNG	AMD	33-34	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯỜNG THẺ KHAI	AMD	44-45	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUỐC HUY	AMD	37	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	32	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH TÂN	AMD	35	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

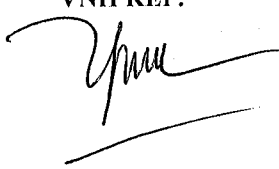
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	3	5	34	215	0	5		
2	AMD	12	17	96	860	0	11		
3	P1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		15	22	130	1.075	0	22		
WEIGHT KG				130	1.075	0			

GRAND TOAL: 1.205 KGS

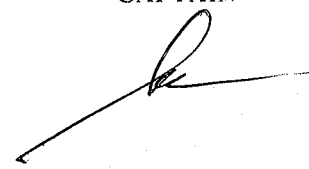
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	TO: TGTH1 - TGTH4 - AMD	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ATUẤN - TRƯỜNG	ETA: 14:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	27	1	7		72	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH1	28	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HA	TGTH1	29	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUC CUONG	TGTH1	30-31	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUNG	TGTH1	32	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH PHUC AM	TGTH1	26	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH CU	TGTH4	30-32	3	22		56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG LONG	TGTH4	33-35	3	18		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	49-50	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SAU	AMD	53	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG THANH	AMD	47-48	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HUU PHUOC	AMD	51-52	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

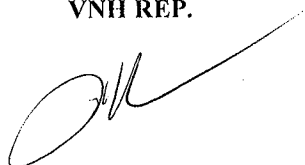
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	6	7	36	402	0	7		
2	TGTH4	2	6	40	128	0	2		
3	AMD	4	7	38	267	0	10		
TOTAL		12	20	114	797	0	19		
WEIGHT KG				114	797	0			

GRAND TOAL: 911 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


Free < pilot

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	TO: PPD - P5 - P8	CREW: ĐỨC - KHAI - DSON	ETA: 14:10
CAM - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TIEN DAT	PPD	09	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG VAN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM LE DUONG	PPD	01	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
4	BIEN MINH SON	PPD	12	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC THUONG	PPD	05-06	2	13		85	ATC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG PHUC	PPD	07-08	2	8		55	ATC	Vietnamese
7	NGUYEN TAI MINH	PPD	10-11	2	16		78	ATC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SON	PPD	21-22	2	26		63	ATC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CAO	PPD	17-18	2	17		66	CO DIEN	Vietnamese
10	LUU VAN DAN	PPD	16	1	14		62	CO DIEN	Vietnamese
11	NONG MINH HAI	PPD	03	1	13	43	72	CO DIEN	Vietnamese
12	CAO XUAN DUNG	PPD	19-20	2	23		75	CO DIEN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG PHONG	PPD	02	1	13	47	65	CO DIEN	Vietnamese
14	LE NGOC ANH	PPD	04	1	10		75	CO DIEN	Vietnamese
15	NGUYEN TRI PHUOC	PPD	15	1	7		73	CO DIEN	Vietnamese
16	DAO VAN THANG	P5	26	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	20	174	1.078	90	9		
2	P5	1	1	5	55	0	4		
3	P8	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		16	21	179	1.133	90	22		
WEIGHT KG				179	1.133	90			

GRAND TOAL: 1.402 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+GTCL+VSP02	7:25	20+0+1	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
2		CTK3	7:45	18	0		18	0	tat may 2h00
3		TD5+TD3	9:25	2+17	0+0		0+21	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - GTC1 - VSP02	CREW: HUNG - M.Đức - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	52	1	6		70	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	51	1	6		102	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	55	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	56	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
5	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	37	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	BUI XUAN KHOA	TD5	46-47	2	15		57	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO THANH SƠN	TD5					60	KHOAN	Vietnamese
9	HÀ VĂN PHÚC	TD5	34-35	2	10	10	75	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	50	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD5	54	1	7		55	D-HANH	Vietnamese
12	DUÔNG MINH VIỆT	TD5	53	1	7		65	DVL	Vietnamese
13	BUI BACH DUONG	TD5	49	1	12		70	DVL	Vietnamese
14	KIỀU TUẤN ANH	TD5	44-45	2	11	10	82	DVL	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG THỨC	TD5	48	1	9		70	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐẶC THẮNG	TD5	38	1	2		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	39	1	4		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	39-40	2	10		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	41-42	2	10		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HOÀNG	VSP02	19-20	2	19		85	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	23	136	1.329	20	18		
2	GTC1	0	0	0	0	0	1		
3	VSP02	1	2	19	85	0	3		
TOTAL		20	25	155	1.414	20	22		
WEIGHT KG				155	1.414	20			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2023	TO: CTK3(+2h)	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:45
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HHai - XTruong - PGIANG	ETA: 12:00
VIP-C			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THU HANG	CTK3					62	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG THI NGOC	CTK3					55	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN THUY LINH	CTK3					56	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN THI THUAN	CTK3				25	52	D-HANH	Vietnamese
5	HA QUOC DUNG	CTK3					85	D-HANH	Vietnamese
6	TRAN VINH PHU	CTK3					62	D-HANH	Vietnamese
7	THIEU DUC LAM	CTK3					78	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN THI THANH HANG	CTK3					52	D-HANH	Vietnamese
9	LUONG DUC MINH	CTK3					82	D-HANH	Vietnamese
10	VU HUU TUAN	CTK3					68	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN NGHI	CTK3					75	D-HANH	Vietnamese
12	TU DUC TU	CTK3					82	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN DUONG PHUC	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese
14	Dinh Thuy Quynh	CTK3					60	D-HANH	Vietnamese
15	DOAN MANH DUONG	CTK3					72	D-HANH	Vietnamese
16	VU DUY TAN	CTK3					82	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TOAN	CTK3					78	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	0	0	1.166	25	18		TAT MAY 02H
TOTAL		17	0	0	1.166	25	18		
WEIGHT KG				0	1.166	25			

GRAND TOAL: 1.191 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD5 - TD3	CREW: HUNG - M. Đức - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD5	57	1	13		70	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	58-59	2	13		66	DVL	Vietnamese
3	KOROTKOV VICTOR	TD3	91	1	5		120	KHOAN	Russian
4	GUSEINOV MAXIM	TD3	88	1	6		78	KHOAN	Russian
5	LƯU VĂN SƠN	TD3	82	1	3	30	60	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	76	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ THANH HAI	TD3	70	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	74	1	2		90	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TOÀN THĂNG	TD3	75	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN QUANG	TD3	79-81	3	19		80	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ĐẠI HAI	TD3	89	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
13	MAKAROV EVGENY	TD3	90	1	12		85	ANTOAN	Russian
14	NGUYỄN TIẾN LONG	TD3	83-84	2	18		55	T-TIN	Vietnamese
15	PHAN HỒNG SƠN	TD3	96	1	10		60	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	87	1	5		82	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG TÂM	TD3	85	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG GIANG LAM	TD3					82	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH MUỘI	TD3	77-78	2	8		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	3	26	136	0	0		
2	TD3	17	19	117	1.287	30	21		
TOTAL		19	22	143	1.423	30	21		
WEIGHT KG				143	1.423	30			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Điểm VSP

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+RC5+RCDM	7:25	9+4+0	0+0+0		5+12+5	0+0+0	CHUYEN 1 RC5- RCDM
2		BK8+RC10+RP2	7:25	9+6+7	0+0+0		5+2+15	0+0+0	
3		P2+BK5	7:25	18+4	0+0		14+8	0+0	
4		RP2+RC3+MRM	9:25	16+6+0	0+0		15+7+1	0+0	DON BN MRM
5		CLO+BK6+P2	9:25	5+4+13	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
6		TD1+RC10+RP2	10:25	2+3+16	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 1 RC10-RP2
7		PPD+CTC1	11:25	9+4	0+0		3+19	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ đi VỀ TRONG NGÀY rc10-3NG, ctcl-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTC1 - RC5 - RCDM	CREW: HUNG - N.Cuong - DTung	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AKOPOV DAVID.	CTC1	50	1	3		81	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	56	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH VU	CTC1	52	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN LY	CTC1	53	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
5	TA VAN VIET	CTC1	54	1	6	35	78	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRUONG SA	CTC1					69	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DUC TOAN	CTC1	51	1	2		84	KH-THAC	Vietnamese
8	SMIRNOV SERGEI	CTC1	55	1	3		92	KH-THAC	Russian
9	BUI SY HIEU	CTC1	57	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	BELIAEV SERGEI	RC5	22	1	17		82	KH-THAC	Russian
11	DO MINH HOANG	RC5	23	1	15	20	72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN QUY	RC5	28	1	10	42	80	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN HIEU	RC5	25	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	9	8	33	706	35	5		CHUYEN 1 PAX TU RCS SANG RCDM
2	RC5	4	4	52	309	62	12		
3	RCDM	0	0	0	0	6	5		
TOTAL		13	12	85	1.015	103	22		
WEIGHT KG				85	1.015	103			

GRAND TOAL: 1.203 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/12/2023	TO: BK8 - RC10 - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM - 1			

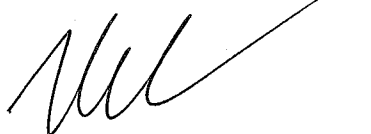
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TIÊN HAI	BK8	24	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TAT HOÀ	BK8					78	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG SỸ NGỌC	BK8	25	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH SƠN	BK8	32-33	2	8		61	KH-THAC	Vietnamese
5	YUKHIMCHUK A.G	BK8	22	1	10		83	KH-THAC	Russian
6	VŨ VIỆT HUÂN	BK8	26	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN GIA CUÔNG	BK8	28	1	10	40	65	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ HỒNG QUÂN	BK8	27	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI ĐẶC CĂN	BK8	23	1	5		68	PSV	Vietnamese
10	KHALIMOV AIDAR	RC10				30	90	KH-THAC	Russian
11	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	53	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	MIKHAILOV EVGENIL	RC10	54	1	3		87	KH-THAC	Russian
13	MIRSAYAPOV RUSLAN	RC10	55	1	5		105	KH-THAC	Russian
14	PHAN QUỐC KHANH	RC10	51	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	52	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	62	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	61	1	4	43	75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	65	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	56	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	63-64	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	58-60	3	23		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	57	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	9	9	71	629	40	5		
2	RC10	6	5	20	487	30	2		
3	RP2	7	10	65	515	43	15		
TOTAL		22	24	156	1.631	113	22		
WEIGHT KG				156	1.631	113			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P2 - BK5	CREW: ĐỨC - KHÁI - D Sơn	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV ALEXANDER	P2	53	1	13		95	KH-THAC	Russian
2	DUONG ĐỨC HIẾU	P2	43	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG XUAN ĐIẾP	P2	51	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	48	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG MINH ĐỨC	P2	49	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG ANH HUNG	P2	52	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	55	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN TỰ	P2	41	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VĂN HIẾU	P2	47	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	40	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HUY	P2	46	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH BA HOANG NAM	P2	45	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
14	K LING	P2	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUAN PHONG	P2	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ HỮU LINH	P2	50	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK5	91	1	3	15	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG THANH	BK5	93-94	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	90	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUAN HOA	BK5					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	17	87	1.275	0	14		
2	BK5	4	4	20	291	15	8		
TOTAL		22	21	107	1.566	15	22		
WEIGHT KG				107	1.566	15			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: RP2 - RC3 - MRM	CREW: HUNG - N. Cường - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TÂN TÀI	RP2	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	24	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠU HUY HOÀNG	RP2	22	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN LINH	RP2	16	1	5		63	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	27	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	26	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	RP2	17	1	6	21	78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	18	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC LAN	RP2	25	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TRIỆU	RP2	31	1	10	14	67	NAM TIEN	Vietnamese
12	HỒ ĐỨC LONG	RP2	15	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HOÀNG HUNG	RP2	21	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỮU QUÂN	RP2	19	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG TUẤN CƯỜNG	RP2	28	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	20	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	73-74	2	9		59	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ LÊ TRUNG	RC3	69	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	75	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ KHANH NAM	RC3	70	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN HẢI VIỆT	RC3	72	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH QUÂN	RC3	71	1	9		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

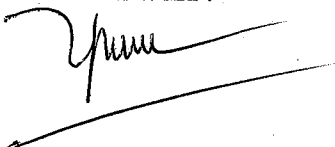
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	16	107	1.105	35	14		
2	RC3	6	7	40	433	0	7		
3	MRM	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	147	1.538	35	22		
WEIGHT KG				147	1.538	35			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

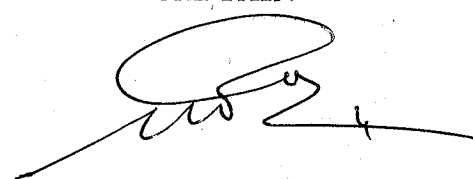
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/12/2023	TO: CLO - BK6 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

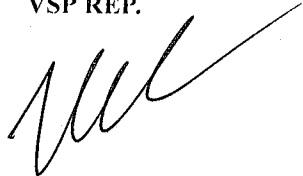
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN BẮC	CLO	82	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
2	TÔNG VĂN THỂ	CLO	89-90	2	18		73	SCHLUMBE	Vietnamese
3	VÔ TÂN HOA	CLO	85-86	2	18		71	SCHLUMBE	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH PHÚ	CLO	87-88	2	18		82	SCHLUMBE	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TOÀN	CLO	83-84	2	15		67	NHATHAU	Vietnamese
6	LE NGỌC AN	BK6	25	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CÔNG THANH	BK6	22	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUNG	BK6	23	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHỄ	BK6	24	1	4		66	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	29	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	30	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THỌ DUNG	P2	26	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SINH TÂM	P2	32	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	38	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
15	TANG MẠNH HÀ	P2	37	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUÂN	P2	35	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	31	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ NGỌC DUNG	P2	36	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC DU	P2	25	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH QUANG	P2	27	1	6		75	VIỆT PHÁT	Vietnamese
21	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	P2	28	1	6		48	VIỆT PHÁT	Vietnamese
22	HOANG VAN SON	P2	33-34	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

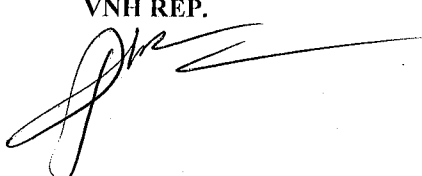
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	9	75	373	0	1		
2	BK6	4	4	20	292	0	4		
3	P2	13	14	94	886	0	17		
TOTAL		22	27	189	1.551	0	22		
WEIGHT KG				189	1.551	0			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

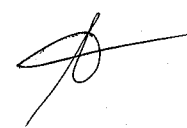
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:30
FLIGHT: 6	TO: TD1 - RC10 - RP2	CREW: ĐỨC - KHÁI - DSon	ETA: 12:20
VANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD1	68-69	2	19		59	SCHLUMB	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THAI	TD1	66-67	2	19		83	SCHLUMB	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10					71	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ HUU THANG	RC10	58-59	2	13		82	DK9	Vietnamese
5	LÊ LAM	RP2	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	72	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	71	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	32	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	77	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	76	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG NGOC THANH	RP2	75	1	4		98	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP2	33	1	6		72	PSV	Vietnamese
13	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	73	1	7		78	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT ANH	RP2	74	1	8		67	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MINH	RP2	30	1	8		92	PSV	Vietnamese
16	LUONG MẠNH HƯƠNG	RP2	34	1	5		63	PSV	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH TỬ	RP2	31	1	10		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN THANH	RP2	78-79	2	17		73	NHATHAU	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TẤT	RP2	80-81	2	18		67	NHATHAU	Vietnamese
20	VŨ TIẾN NGỌC	RP2	69-70	2	11		78	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	4	38	142	0	0		CHUYEN I PAX RC10-RP2
2	RC10	2	2	13	153	0	4	1	
3	RP2	16	19	130	1.180	0	18		
TOTAL		20	25	181	1.475	0	22		
WEIGHT KG				181	1.475	0			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	TO: PPD - CTC1	CREW: Linh - MTHAO - Toan	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH CUONG	PPD	27	1	5		73	KHI	Vietnamese
2	HOANG ANH TU	PPD	28-29	2	10		74	ATC	Vietnamese
3	HOANG TRONG TAN	PPD	30-31	2	16		72	ATC	Vietnamese
4	TRAN XUAN TOAN	PPD	33	1	10		82	TRUNG TI	Vietnamese
5	HÔ TÂN PHƯỚC	PPD	32	1	8		63	TRUNG TI	Vietnamese
6	NGUYEN HONG VIET	PPD	35	1	11		60	TRUNG TI	Vietnamese
7	DANG HOANG DUNG	PPD	34	1	10	48	69	TRUNG TI	Vietnamese
8	PHAM HAN VU	PPD	24	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DINH AN	PPD	25-26	2	10		57	PSV	Vietnamese
10	LUONG XUAN THANH	CTC1	44	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN TRONG MANH	CTC1	47	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN VIET	CTC1	45-46	2	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

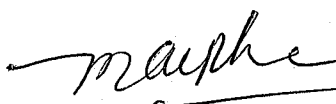
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	12	88	617	48	3		
2	CTC1	3	4	18	206	0	19		
TOTAL		12	16	106	823	48	22		
WEIGHT KG				106	823	48			

GRAND TOAL: 977 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

